

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày: 10-5-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận
2. Ông Trần Minh Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 400/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 400/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 400/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ.** Trụ sở: **B N, phường T, quận H, Tp Hà Nội.** Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L,** chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Mai Xuân T,** chức vụ: Giám đốc Khối QL&TCTTS (Theo Giấy ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị). Ông **Mai Xuân T** ủy quyền cho Bà **Nguyễn Thị Kim X,** ông **Hoàng Thế Q,** bà **Phan Thị Thanh H,** bà **Lê Thị Thúy H1,** ông **Nguyễn Văn L1,** cùng địa chỉ: **Số B đường C tháng D, phường H, quận H, Tp Đà Nẵng.** Bà **H** có mặt.

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn V,** sinh năm 1987 và bà **Nguyễn Thị Thùy N,** sinh năm 1990; cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Tổ E Đ, phường H, quận L, Tp Đà Nẵng;** cùng hiện trú tại: **Số A K, phường H, quận L, Tp Đà Nẵng.** Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị H2,** địa chỉ: **tổ B, phường T, quận T, Tp Đà Nẵng.** Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh H trình bày:

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N đã ký kết Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022 với Ngân hàng TMCP Đ, cụ thể: Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022; Số tiền cho vay: 3.550.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 300 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: H3 vốn mua bất động sản. Về lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được ghi nhận cụ thể tại Khế ước nhận nợ (lãi suất cố định trong 12 tháng đầu tiên 9,5%/năm, từ ngày 03/8/2023, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng LSCS + Biên độ tối thiểu 3.2%/năm, trong đó LSCS là lãi suất cơ sở dài hạn do Ngân hàng C từng thời kỳ). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả lãi: 10% năm. Kỳ hạn trả gốc lãi: Ngày 15 hàng tháng kể từ ngày 15/08/2022.

Ông Nguyễn Văn V đã ký kết Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/08/2022 ("Thẻ tín dụng") với Ngân hàng TMCP Đ, cụ thể: Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn 25%, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm: Toàn bộ các nghĩa vụ tài chính của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N tại P được bảo đảm thực hiện bằng tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSD đất QSH nhà ở và TS khác gắn liền với đất số BV 247653 do Sở T2 cấp ngày 02/10/2014 cho ông Võ Xuân Q1 và bà Đỗ Thị H4, được chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N ngày 06/09/2018 (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 162, địa chỉ khu đất giao quyền cho hộ gia đình, quân nhân Lữ đoàn 532 (giai đoạn 2), phường H, quận L, TP .) và mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với Q2 sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 210/2022/HĐBĐ/PVB-PGDTK ký ngày 03/08/2022 giữa P với Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị T1 NaThực hiện Hợp đồng cho vay, P đã giải ngân 01 lần, số tiền 3.550.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản của bà Nguyễn Thị H2 theo đề nghị của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N tại Khế ước nhận nợ ngày 03/08/2022 và phát hành thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn V.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N đã thanh toán cho P tổng số tiền là: 103.546.973 đồng (gồm: Nợ gốc: 35.552.000 đồng và Nợ lãi: 67.994.973 đồng) và vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho P kể từ kỳ thanh toán gốc, lãi ngày 15/11/2022.

Để giải quyết khoản nợ nêu trên, P đã nhiều lần gửi văn bản, cũng như trực tiếp làm việc về phương án trả nợ nhưng đến nay ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng. Do đó, P buộc phải tiến hành việc khởi kiện ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền để yêu cầu:

1. Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N phải trả cho Ngân

hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 10/5/2024 Theo Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022 là 4.200.841.357 đồng, trong đó: nợ gốc 3.514.448.000 đồng, nợ lãi trong hạn 617.502.122 đồng, lãi quá hạn 26.520.201 đồng, lãi chậm trả lãi 42.371.034 đồng.

2. Buộc ông **Nguyễn Văn V** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền nợ gốc, lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 10/5/2024 Theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/08/2022 là 78.263.270 đồng, trong đó: nợ gốc là 45.618.886 đồng, nợ lãi là 20.440.693 đồng và phí chậm thanh toán là 12.203.691 đồng.

3. Buộc ông **Nguyễn Văn V** và bà **Nguyễn Thị Thùy N** phải tiếp tục trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** số lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/08/2022 kể từ ngày 11/5/2024 cho đến khi tất toán khoản vay.

4. Trường hợp ông **Nguyễn Văn V** và bà **Nguyễn Thị Thùy N** không thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ, **P** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 210/2022/HĐBĐ/PVB-PGDTK ký ngày 03/08/2022 giữa **P** với Ông **Nguyễn Văn V** và Bà **Nguyễn Thị Thùy N** để thanh toán khoản nợ của ông **Nguyễn Văn V** và bà **Nguyễn Thị Thùy N** tại **P**.

*Đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn V**, bà **Nguyễn Thị Thùy N**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị H2** không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần.*

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn ông **Nguyễn Văn V**, bà **Nguyễn Thị Thùy N**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị H2** được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó bị đơn ông **Nguyễn Văn V**, bà **Nguyễn Thị Thùy N**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị H2** chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông **Nguyễn Văn V** và bà **Nguyễn Thị Thùy N** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** tổng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 10/5/2024 Theo Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022 là 4.158.470.323 đồng, trong đó: nợ gốc 3.514.448.000 đồng, nợ lãi trong hạn 617.502.122 đồng, lãi quá hạn 26.520.201 đồng.

2. Buộc ông **Nguyễn Văn V** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền nợ gốc,

lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 10/5/2024 Theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/08/2022 là 78.263.270 đồng, trong đó: nợ gốc là 45.618.886 đồng, nợ lãi là 20.440.693 đồng và phí chậm thanh toán là 12.203.691 đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ số lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/08/2022 kể từ ngày 11/5/2024 cho đến khi tất toán khoản vay.

4. Trường hợp ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N không thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ, P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 210/2022/HĐBĐ/PVB-PGDTK ký ngày 03/08/2022 giữa P với Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị Thùy N để thanh toán khoản nợ của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N tại P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tại Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, phần I thể hiện "... Trường hợp không giải quyết thông qua thương lượng được, hai bên thỏa thuận lựa chọn giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn (trong trường hợp nguyên đơn là cá nhân) hoặc trụ sở của nguyên đơn (trong trường hợp nguyên đơn là tổ chức). Trụ sở Ngân Hàng được hiểu là trụ sở chính hoặc trụ sở của Phòng giao dịch hoặc Chi nhánh đã ghi tại phần giới thiệu Hợp đồng. Tại Hợp đồng cho vay thể hiện bên cho vay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Đ1 – Phòng G, địa chỉ: số A đường Đ, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N là đúng theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N đã ký kết Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022 với Ngân hàng TMCP Đ, cụ

thể: Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022; Số tiền cho vay: 3.550.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 300 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: **H3** vốn mua bất động sản. Về lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được ghi nhận cụ thể tại Khế ước nhận nợ (lãi suất cố định trong 12 tháng đầu tiên 9,5%/năm, từ ngày 03/8/2023, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng LSCS + Biên độ tối thiểu 3.2%/năm, trong đó LSCS là lãi suất cơ sở dài hạn do **Ngân hàng C** từng thời kỳ). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả lãi: 10% năm. Kỳ hạn trả gốc lãi: Ngày 15 hàng tháng kể từ ngày 15/08/2022.

Ông **Nguyễn Văn V** đã ký kết Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/08/2022 ("Thẻ tín dụng") với **Ngân hàng TMCP Đ**, cụ thể: Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn 25%, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy việc giao kết các Hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông **Nguyễn Văn V** và bà **Nguyễn Thị Thùy N** đã thanh toán cho **P** tổng số tiền là: 103.546.973 đồng (gồm: Nợ gốc: 35.552.000 đồng và Nợ lãi: 67.994.973 đồng) và vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho **P** kể từ kỳ thanh toán gốc, lãi ngày 15/11/2022, là đã vi phạm các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện, nhắc nhở, gửi thông báo đôn đốc nhưng ông **Nguyễn Văn V** và bà **Nguyễn Thị Thùy N** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, dẫn đến các khoản nợ quá hạn.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Đ**:

Buộc ông **Nguyễn Văn V** và bà **Nguyễn Thị Thùy N** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** tổng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 10/5/2024 Theo Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022 là 4.200.841.357 đồng, trong đó: nợ gốc 3.514.448.000 đồng, nợ lãi trong hạn 617.502.122 đồng, lãi quá hạn 26.520.201 đồng, lãi chậm trả lãi 42.371.034 đồng; Buộc ông **Nguyễn Văn V** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền nợ gốc, lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 10/5/2024 Theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/08/2022 là 78.263.270 đồng, trong đó: nợ gốc là 45.618.886 đồng, nợ lãi là 20.440.693 đồng và phí chậm thanh toán là 12.203.691 đồng; ông **Nguyễn Văn V** và bà **Nguyễn Thị Thùy N** phải tiếp tục trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** số lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/08/2022 kể từ ngày 11/5/2024 cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo số tiền vay của Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/08/2022, ông **Nguyễn Văn V**, bà **Nguyễn Thị Thùy N** đã dùng tài sản của mình thế chấp để bảo lãnh vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 210/2022/HĐBĐ/PVB-PGDTK ngày 03/8/2022 như sau: Quyền sử dụng

đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 162, địa chỉ Khu đất giao quyền cho hộ gia đình, quân nhân Lữ đoàn 532 (giai đoạn 2), phường H, quận L, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 247653, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CTs48406 do UBND Sở Tài nguyên và Môi trường T3 cấp ngày 02/10/2014, thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy Na. Xét thấy Hợp đồng thế chấp được ký giữa ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N và Ngân hàng TMCP Đ là đúng quy định pháp luật, phù hợp với Điều 325 Bộ luật Dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trong trường hợp ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 210/2022/HĐBĐ/PVB-PGDTK ngày 03/8/2022, quy định tại Điều 299, 323 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N phải chịu 112.200.841 đồng (Một trăm mười hai triệu, hai trăm ngàn đồng, tám trăm bốn mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn V phải chịu 3.913.163 đồng (Ba triệu, chín trăm mười ba ngàn, một trăm sáu mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 55.426.661 đồng (Năm mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi một đồng) theo biên lai thu số 0001086 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí này nên bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 299, 322, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đối với ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín

dụng".

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 10/5/2024 theo Hợp đồng cho vay số 210/2022/HĐTD/PVB-PGDTK ngày 02/08/2022 là 4.200.841.357 đồng, trong đó: nợ gốc 3.514.448.000 đồng, nợ lãi trong hạn 617.502.122 đồng, lãi quá hạn 26.520.201 đồng, lãi chậm trả lãi 42.371.034 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn V phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc, lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 10/5/2024 theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/08/2022 là 78.263.270 đồng, trong đó: nợ gốc là 45.618.886 đồng, nợ lãi là 20.440.693 đồng và phí chậm thanh toán là 12.203.691 đồng.

Kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thùy N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 162, địa chỉ Khu đất giao quyền cho hộ gia đình, quân nhân Lữ đoàn 532 (giai đoạn 2), phường H, quận L, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 247653, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CTs48406 do UBND Sở Tài nguyên và Môi trường T3 cấp ngày 02/10/2014, thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy Na .

Sau khi ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 247653, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CTs48406 do UBND Sở Tài nguyên và Môi trường T3 cấp ngày 02/10/2014, thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy Na .

4. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N phải chịu 112.200.841 đồng (Một trăm mười hai triệu, hai trăm ngàn đồng, tám trăm bốn mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn V phải chịu 3.913.163 đồng (Ba triệu, chín trăm mười ba ngàn, một trăm sáu mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 55.426.661 đồng (Năm mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi một đồng) theo biên lai thu số 0001086 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thùy N thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Hưng